

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 302/2024/DS-PT

Ngày: 30 – 5 – 2024

V/v “Tranh chấp thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu;

Ông Võ Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 373/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm 1957;

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T, Công ty L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Nguyễn Văn G, sinh năm 1944 (theo Giấy ủy quyền ngày 15/02/2023);

Địa chỉ: số F Rạch G, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956;

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị T1: Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 (theo Giấy ủy quyền ngày 22/4/2022);

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1978;

4. Nguyễn Thị M1, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Nguyễn Thị V, sinh năm 1953 (chết năm 2022);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị V:

5.1. Huỳnh Thanh N1, sinh năm 1949;

5.2. Huỳnh Thúy L1, sinh năm 1976;

5.3. Huỳnh Thanh S, sinh năm 1984;

Người đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Thanh N1, Huỳnh Thúy L1 và Huỳnh Thanh S: Huỳnh Thúy O, sinh năm 1978 (theo Giấy ủy quyền ngày 21/4/2022);

5.4. Huỳnh Thúy O, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Nguyễn Thị N2, sinh năm 1956 (chết năm 2020);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyễn Thị N2:

6.1. Huỳnh Phi L2;

Địa chỉ: xã T, thành phố M, Tiền Giang.

6.2. Nguyễn Duy P, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Phạm Hồng L3, sinh năm 1990;

8. Phạm Lộc S1, sinh năm 1998;

9. Phạm Kim N3, sinh năm 1992;

10. Phạm Văn Đ, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

11. Nguyễn Thị Kim L4, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

12. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1957;

Địa chỉ: số nhà I N, Tổ I, khu phố L, phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Nguyễn Thành S2, sinh năm 2001 (chết ngày 25/02/2023);

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

+ Nguyễn Thị Thúy H2, sinh năm 2001;

+ Nguyễn Ngọc Mai A, sinh năm 2021;

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Ngọc Mai A: Nguyễn Thị Thúy H2, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Văn N và bị đơn Nguyễn Văn H.

(Các đương sự Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn L, người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Văn G, Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T có mặt; các đương sự Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị M1, Huỳnh Thúy O, Huỳnh Phi L2, Nguyễn Duy P, Phạm Hồng L3, Phạm Lộc S1, Phạm Kim N3, Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị Kim L4, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Thúy H2 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Cha ông tên Nguyễn Văn T2 (chết năm 1968) mẹ ông tên Lê Thị H3 (chết 2013). Ông T2, bà H3 có 06 người con gồm:

1/ Nguyễn Văn T3, sinh năm 1950 (chết 2015) có vợ là Nguyễn Thị T1, có 03 người con tên: Nguyễn Văn L, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị M1.

2/ Nguyễn Thị V, sinh năm 1953 (chết 12/4/2022), có chồng Huỳnh Thanh N1, có 03 người con Huỳnh Thúy L1, sinh năm 1976, Huỳnh Thúy O, sinh năm 1978 và Huỳnh Thanh S, sinh năm 1980.

3/ Nguyễn Văn N, sinh năm 1957.

4/ Nguyễn Thị N2, sinh năm 1956 (chết năm 2020), có chồng là Huỳnh Phi L2 có 01 người con tên Nguyễn Duy P.

5/ Nguyễn Thị H4 (chết năm 2019), có chồng là Phạm Văn Đ, có 03 người con tên Phạm Hồng L3, Phạm Lộc S1, Phạm Kim N3.

6/ Nguyễn Văn H, sinh năm 1967.

Nguồn gốc phần đất 224m², tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang là của ông T2, bà H3. Đến năm 2004 bà H3 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đầu tiên, khi bà H3 đứng tên thì các con không ai tranh chấp. Trước đây bà H3 ở chung một nhà với bà N2, bà H4, ông H; sau khi bà H4, ông H lập gia đình thì bà H3 có ngăn ra thêm 02 căn cho ông H, bà H4 ở. Sau khi ông H bán phần đất này thì ông H1 đã dỡ bỏ các ngôi nhà, xây cất mới lại.

Nay ông H đã bán phần đất này với số tiền 6.200.000.000 đồng. Nên ông N yêu cầu Tòa án xác định di sản của ông T2, bà H3 là số tiền 6.200.000.000 đồng

(làm tròn 6.000.000.000 đồng), chia 06 người con, ông N yêu cầu nhận 1.000.000.000 đồng.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Thống nhất phần trình bày của ông N về lý lịch đã khai. Về nguồn gốc phần đất tranh chấp ông xác định là của ông T2, bà H3. Nay đối với yêu cầu của ông N ông không đồng ý, do phần đất này ông H đã được bà H3 tặng cho, số tiền thực tế ông H đã chuyển nhượng đất cho ông H1 là 6.200.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Thống nhất phần trình bày của ông N về lý lịch đã khai và về nguồn gốc phần đất tranh chấp. Anh yêu cầu ông H chia cho các con ông T3 500.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thúy O trình bày:*

Chị thống nhất phần trình bày của ông N về lý lịch đã khai và về nguồn gốc phần đất tranh chấp. Chị yêu cầu ông H chia cho các con bà V 500.000.000 đồng trừ 85.000.000 đồng (tiền ông H đầu tư cất nhà cho bà V) còn lại là 415.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy P trình bày:*

Trước đây trên phần đất tranh chấp có 03 căn nhà của mẹ anh bà N2, bà H4 và ông H. Sau khi bà H3 chết thì ông H bán phần đất này cho ông H1, ông H có cho bà N2 1.000.000.000 đồng để mua đất cất nhà sinh sống chỗ khác. Nay anh không có yêu cầu gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Hồng L3, anh Phạm Lộc S1 và chị Phạm Kim N3 thống nhất trình bày:*

Trước đây trên phần đất tranh chấp có 03 căn nhà gồm nhà của bà H4 (mẹ các anh chị), nhà của bà N2 và nhà của ông H. Sau khi bà H3 chết thì ông H bán phần đất này cho ông H1, ông H có cho bà H4 1.000.000.000 đồng để mua đất cất nhà sinh sống chỗ khác. Nay các anh chị không có yêu cầu gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Năm 2018 ông có nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp của ông H, bà L4 với số tiền chuyển nhượng 6.200.000.000 đồng, sau khi mua đất ông có cất nhà lại, hiện trạng như hiện nay. Nay ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa ông N và ông H.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 373/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 4, khoản 2 Điều 5, Điều 25 Pháp lệnh số 44-LCT/HDDNN ngày 10/9/1990 của Hội đồng Nhà nước; các điều 612, 613 và Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều*

26, 28 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Công nhận di sản do ông Nguyễn Văn T2 để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 224m², tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có giá trị 3.000.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H chia cho ông Nguyễn Văn N số tiền 428.571.428 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H chia cho hàng thừa kế ông T3 gồm: Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thị M1 số tiền 428.571.428 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H chia cho hàng thừa kế bà V gồm: Huỳnh Thanh N1, Huỳnh Thúy L1, Huỳnh Thúy O và Huỳnh Thanh S số tiền 343.571.428 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 13/9/2022, bị đơn Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý chia thừa kế.

* Ngày 24/9/2022, nguyên đơn Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phân chia lại kỷ phần thừa kế ông được hưởng để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia cho ông hưởng 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Văn T2 và cụ Lê Thị H3 chết để lại là giá trị thửa đất số 86, tờ bản đồ số 16, diện tích 224m² tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang tương ứng 1.000.000.000 đồng (ông thống nhất giá trị chuyển nhượng 6.000.000.000 đồng).

- Bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Thống nhất bản án dân sự sơ thẩm về di sản, hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn T2 và cụ Lê Thị H3. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng của cụ Lê Thị H3

tặng cho ông Nguyễn Văn H đối với $\frac{1}{2}$ di sản, chia cho ông Nguyễn Văn N hưởng $\frac{1}{2}$ di sản của cụ Nguyễn Văn T2 là chưa đúng, vì hợp đồng tặng cho giữa cụ H3 và ông H là vô hiệu bởi: năm sinh và số chứng minh nhân dân của cụ H3 nêu trong hợp đồng là không đúng với chứng minh nhân dân của cụ H3, tại thời điểm xác lập hợp đồng chứng minh nhân dân của cụ H3 hết hiệu lực (trên 15 năm), tại thời điểm chứng thực cụ H3 đã trên 82 tuổi nhưng việc chứng thực không có người làm chứng hoặc giám định sức khỏe, cụ H3 không biết đọc chữ nhưng nội dung chứng thực ghi “Đã được đọc lại”. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không công nhận việc tặng cho di sản giữa cụ H3 và ông H, chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ H3.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 373/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Văn N và bị đơn Nguyễn Văn H nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo:

[2.1]. Về hàng thừa kế:

Theo tài liệu hồ sơ vụ án, vợ chồng cụ Nguyễn Văn T2, sinh năm 1919 (chết năm 1968) và cụ Lê Thị H3, sinh năm 1927 (chết năm 2013) có 06 người con gồm các ông, bà: Nguyễn Văn T3 (chết năm 2015), Nguyễn Thị V (chết năm 2022), Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị N2 (chết năm 2020), Nguyễn Thị H4 (chết năm 2019), Nguyễn Văn H.

Ông Nguyễn Văn T3 có vợ là Nguyễn Thị T1 và có 03 người con gồm: Nguyễn Văn L, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị M1. Bà Nguyễn Thị V có chồng là Huỳnh Thanh N1 và có 03 người con gồm: Huỳnh Thúy L1, Huỳnh Thúy O,

Huỳnh Thanh S. Bà Nguyễn Thị N2 có chồng là Huỳnh Phi L2 và có 01 người con tên Nguyễn Duy P. Bà Nguyễn Thị H4 có chồng là Phạm Văn Đ và có 03 người con gồm: Phạm Hồng L3, Phạm Lộc S1, Phạm Kim N3.

[2.2]. Về xác định và chia di sản thừa kế:

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ Lê Thị H3 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00299-QSĐĐ/596/QĐ.UB ngày 16/4/2004 đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 16, diện tích 224m² tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang (gọi tắt là thửa đất số 86).

Năm 2009, cụ Lê Thị H3 tặng cho thửa đất số 86 cho ông Nguyễn Văn H và đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00901 ngày 12/11/2009. Năm 2018, ông Nguyễn Văn H chuyển nhượng thửa đất số 86 cho ông Nguyễn Văn H1 với giá 6.200.000.000 đồng.

Theo biên bản xác minh ngày 16/6/2023, Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang cung cấp: Theo Sổ mục kê hồ sơ Chỉ thị 299/TTg lập ngày 16/11/1988, thửa đất số 86 thuộc thửa đất số 659, tờ bản đồ 1V, diện tích 87.631m² thuộc đất thổ cư tập trung của xã. Đến ngày 24/4/1997, thửa đất số 86 thuộc thửa 2095, tờ bản đồ số 1, diện tích 17.966m² thuộc khu bao thổ cư tập trung của xã. Đến tháng 10/2001 hộ bà Lê Thị H3 kê khai đăng ký thửa đất số 86, tờ bản đồ số 16, diện tích 224m² (theo bản đồ 1/500).

Quá trình tổ tụng, các đương sự đều thừa nhận thửa đất số 86 được cụ Nguyễn Văn T2 và cụ Lê Thị H3 quản lý, sử dụng từ trước năm 1968, sau khi cụ Nguyễn Văn T2 chết thì cụ Lê Thị H3 cùng các con tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến khi được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Từ những căn cứ trên cho thấy: Thửa đất số 86 thực tế cụ Nguyễn Văn T2 và cụ Lê Thị H3 đã được Nhà nước giao quản lý, sử dụng từ trước năm 1968 (thời điểm cụ T2 chết), sau khi cụ Nguyễn Văn T2 chết thì cụ Lê Thị H3 tiếp tục quản lý, sử dụng và cùng các con sinh sống liên tục trên thửa đất, đến năm 2001 cụ Lê Thị H3 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được công nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 nên đây là tài sản chung của hai Cụ. Năm 2009, cụ Lê Thị H3 lập hợp đồng tặng cho ông Nguyễn Văn H quyền sử dụng thửa đất số 86 là thể hiện ý chí định đoạt tài sản của cụ Lê Thị H3, tuy nhiên thửa đất số 86 là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn T2 và cụ Lê Thị H3 nên cụ Lê Thị H3 không có quyền định đoạt phần di sản của cụ Nguyễn Văn T2 chết để lại. Do tính đến thời điểm cụ Lê Thị H3 chết (năm 2013) thì không có tài liệu chứng cứ nào thể

hiện Cụ thay đổi ý chỉ định đoạt tài sản nên việc tặng cho có hiệu lực đối với phần tài sản của Cụ.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng thửa đất số 86 là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Văn T2 và cụ Lê Thị H3 để công nhận di sản là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 86 do cụ Nguyễn Văn T2 chết để lại để chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Như phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn N, ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn N là không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ pháp luật, phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 373/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Công nhận di sản do ông Nguyễn Văn T2 để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất số 86, tờ bản đồ số 16, diện tích đất 224m² tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có giá trị 3.000.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H chia cho ông Nguyễn Văn N số tiền 428.571.428 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H chia cho hàng thừa kế ông Nguyễn Văn T3 gồm: Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thị M1 số tiền 428.571.428 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H chia cho hàng thừa kế bà Nguyễn Thị V gồm: Huỳnh Thanh N1, Huỳnh Thúy L1, Huỳnh Thúy O và Huỳnh Thanh S số tiền 343.571.428 đồng.

2. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0020904 ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang thành án phí.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn N. Trả lại cho ông Nguyễn Văn N 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông N đã nộp theo biên lai thu số 0020926 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy